

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 23 - 10 - 2024.
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Chính.

2. Bà Dương Thị Vui.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024. Về vụ án kiện xin ly hôn, con chung và tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2024/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Xóm B V, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn C - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm B V, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng chính sách và xã hội huyện N.

Đại diện theo pháp luật bà Trần Thị H1, Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H1 là bà Phạm Thị H2, Chức vụ: Phó giám đốc.

Tại phiên tòa có mặt chị H2, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện N; vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 27/5/2024 và lời khai của chị Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn C vào tháng 02/2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh C mãi chơi cờ bạc vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, bản thân anh C đã bị xử lý về tội đánh bạc, trong thời gian anh chính đi thi hành án, chị đã thăm nuôi và động viên khuyên giải nhưng khi chấp hành xong về anh C vẫn không thay đổi do vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 5/2024 do không thể hoà giải được vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị H xác định giữa chị và anh C có ba con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 25/5/2015; cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 09/12/2016 và cháu Nguyễn Trọng H3, sinh ngày 15/01/2020. Ly hôn do cháu L và cháu T có nguyện vọng ở với bố vì vậy chị xin nhận trực tiếp nuôi cháu H3 và nhất trí để anh C nuôi cháu L và cháu T. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H xác định vào tháng 4/2017 vợ chồng chị đề nghị xin vay vốn chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 12.000.000 đồng, thời gian vay 5 năm. Vợ chồng chị đã lập giấy uỷ quyền ngày 22/4/2017 cử chị đại diện cho hộ gia đình để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng chính sách xã hội huyện N. Ngày 12/5/2017, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N đã giải ngân chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường cho vợ chồng số tiền 12.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng (ngày đến hạn cuối cùng của món vay là ngày 12/5/2022). Tháng 2/2022, trong thời gian đang còn dư nợ chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường do gia đình chị thuộc đối tượng hộ cận nghèo của xã vì vậy vợ chồng bàn bạc tiếp tục xin vay vốn chương trình hộ cận nghèo để phát triển kinh tế hộ gia đình. Ngày 12/2/2022, Ngân hàng C đã giải ngân chương trình hộ cận nghèo cho vợ chồng chị số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng. Ngày 12/5/2022, đến hạn món vay nước sạch và vệ sinh môi trường, vợ chồng đã trả hết nợ. Vợ chồng thống nhất xin vay lại chương trình này với số

tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Khi làm thủ tục vay vốn các món vay trên, cả vợ chồng chị đều có mặt và cùng sử dụng vốn vay cho sinh hoạt và phát triển kinh tế của gia đình. Đến tháng 6/2022, anh Nguyễn Văn C phải chấp hành án phạt tù 02 năm, chị ở nhà tiếp tục sử dụng vốn vay trên để phục vụ cho gia đình đến khi anh Nguyễn Văn C chấp hành xong án phạt tù trở về. Hiện vợ chồng đang vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N 02 khoản vay với tổng số tiền gốc là 110.000.000 đồng, cụ thể: 01 khoản vay chương trình cho vay hộ cận nghèo, số tiền là 90.000.00 đồng, lãi suất: 7,92%/năm; ngày đến hạn 12/02/2025 và 01 khoản vay chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, ngày đến hạn: 12/5/2027. Tiền lãi của 02 món vay chị đã nộp đến hết ngày 12/10/2024. Nay chị xác định khoản vay trên là khoản vay chung của hai vợ chồng nên ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi số nợ cụ thể mỗi người phải thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện N là 55.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn C vắng mặt. Lời khai của anh C tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh kết hôn với chị H vào tháng 02/2014, kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, năm 2022 anh vi phạm pháp luật. Sau khi chấp hành án về thì anh biết chị H có biểu hiện sống không chung thủy với anh và anh đã khuyên bảo nhưng chị H vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Đến tháng 5/2024 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng anh sống ly thân nhau từ đó. Nay chị H xin ly hôn anh thì anh chưa muốn vợ chồng ly hôn còn chị H nhất quyết xin ly hôn thì tùy chị H.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn C xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 25/5/2015; cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 09/12/2016 và cháu Nguyễn Trọng H3, sinh ngày 15/01/2020. Nếu vợ chồng ly hôn thì anh xin nhận trực tiếp nuôi cả ba con chung và không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về công nợ chung: Anh thống nhất xác định vợ chồng có khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện N như chị H đã trình bày bản thân anh có ủy quyền cho chị H vay nhưng chị H là người đi lấy tiền về trang trải cho gia đình và đứng tên vay, chỉ tiêu như thế nào án không biết nên anh không chịu trách nhiệm về khoản vay trên, khi vợ chồng ly hôn, anh đề nghị chị H có trách nhiệm, trả toàn bộ món nợ vay trên trước khi có quyết định chính thức ly hôn.

Về án phí anh đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện N trình bày: Tháng 4/2017, hộ gia đình chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C đề nghị xin vay chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 12.000.000 đồng, thời gian vay 5 năm. Hộ gia đình chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C đã lập giấy ủy quyền ngày 22/4/2017 cử chị Nguyễn Thị H đại diện cho hộ gia đình để đứng tên người vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa hộ gia đình với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N kết thúc theo quy định. Ngày 12/5/2017, Ngân hàng C đã giải ngân chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường cho hộ chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C số tiền 12.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng (ngày đến hạn cuối cùng của món vay là 12/5/2022). Tháng 2/2022, trong thời gian đang còn dư nợ chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường hộ chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C thuộc đối tượng hộ cận nghèo của xã N tiếp tục xin vay vốn chương trình hộ cận nghèo để phát triển kinh tế hộ gia đình. Ngày 12/2/2022, Ngân hàng C đã giải ngân chương trình hộ cận nghèo cho hộ chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C số tiền 90.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng. Ngày 12/5/2022, hộ chị Nguyễn Thị H đến hạn món vay nước sạch và vệ sinh môi trường, hộ vay đã trả hết nợ đến hạn số tiền 12.000.000đ và tiếp tục xin vay lại chương trình này với số tiền 20.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng. Khi làm thủ tục vay vốn các món vay trên, cả chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C đều có mặt tại địa phương và cùng sử dụng vốn vay cho sinh hoạt và phát triển kinh tế của gia đình. Hiện nay hộ gia đình chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C đang vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N 02 khoản vay với tổng số tiền là 110.000.000 đồng, cụ thể:

- 01 khoản vay chương trình cho vay hộ cận nghèo, số tiền là 90.000.00 đồng, lãi suất: 7,92%/năm; ngày đến hạn trả nợ 12/02/2025.
- 01 khoản vay chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, ngày đến hạn trả nợ 12/5/2027.
- Tiền lãi của 02 khoản vay đã nộp đến hết ngày 12 tháng 10 năm 2024.

Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N thực hiện cho vay thông qua hộ gia đình đối với hộ chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C, đại diện hộ gia đình đứng tên trên sổ vay vốn là chị Nguyễn Thị H. Quy trình, thủ tục cho vay thực hiện theo đúng hướng dẫn của Ngân hàng C và các quy định của pháp luật. Nay chị H và anh C ly hôn, chị H đã đi nơi khác sinh sống, không có mặt tại địa phương nên vốn vay tại ngân hàng C khoản tiền vay không còn sử dụng đúng mục đích là nuôi trồng thủy hải sản theo hợp đồng, phải hoàn trả lại Nhà nước. Vì vậy Ngân hàng Chính sách xã

hội huyện N đề nghị Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng buộc chị H và anh C phải trả nợ trước hạn số tiền gốc 2 khoản vay là 110.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất quy định của từng chương trình tại Ngân hàng Chính sách xã hội do đây là khoản vay chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu mỗi người phải trả số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng. Và lãi đến ngày xét xử là $272.800\text{đồng}/2 \text{ người} = 136.400\text{đồng}$ (một trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Hôn nhân giữa chị H và anh C là hôn nhân tiến bộ, hợp pháp. Vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh C không còn nên:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 25/5/2015 và cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 09/12/2016 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Trọng H3, sinh ngày 15/01/2020 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung;

Về công nợ chung: Buộc anh C chị H phải trả nợ mỗi người phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện N số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất theo từng khoản vay.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vụ án chị xin ly hôn anh C và được Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn C vắng mặt nhưng anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xét xử vắng mặt anh C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C vào tháng 02 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong làm ăn kinh tế, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến cãi chửi nhau, gia đình hai bên hoà giải nhưng không thành do không thể hàn gắn vợ chồng đã ly thân từ 5/2024. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía anh C chưa muốn vợ chồng ly hôn còn chị H nhất quyết xin ly hôn thì tùy chị H.

Xét việc xin ly hôn và quan điểm giải quyết của anh C thấy: Kể từ khi chị H có đơn xin ly hôn, Tòa án đã triệu tập anh C và chị H lên để hoà giải nhưng anh C không hợp tác như vậy khả năng đoàn tụ không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý hôn vì vậy H xin ly hôn anh C nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C đều thống nhất xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 25/5/2015; cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 09/12/2016 và cháu Nguyễn Trọng H3, sinh ngày 15/01/2020. Ly hôn chị H xin nhận trực tiếp nuôi cháu H3 và nhất trí để anh Chính trực T1 nuôi cháu L và cháu T. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh C xin nhận trực tiếp nuôi ba con chung và không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Xét việc xin nhận nuôi con chung của chị H và anh C thấy: Nguyên vọng của chị H và anh C đều chính đáng nhưng chị H và anh C đều làm lao động tự do nên có điều kiện kinh tế nuôi con như nhau. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án cháu L và cháu T có nguyên vọng xin ở với bố và cháu H3 hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy giao cháu L và cháu T cho anh Chính trực T1 chăm sóc nuôi dưỡng

và giao cháu H3 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không xem xét giải quyết.

[5] Về công nợ chung của vợ chồng:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh C đều thống nhất xác định. Hiện nay vợ chồng chị đang vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N 02 món vay với tổng số tiền là 110.000.000 đồng, cụ thể: 01 khoản vay chương trình cho vay hộ cận nghèo, số tiền là 90.000.00 đồng, lãi suất: 7,92%/năm; ngày đến hạn trả nợ 12/02/2025 và 01 khoản vay chương trình Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, ngày đến hạn trả nợ: 12/5/2027. Chị H xác định khoản vay trên là khoản vay chung của hai vợ chồng, ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết chị và anh C mỗi người phải thanh toán khoản nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện N là 55.000.000 đồng. Phía anh Chính xác Đ anh có ủy quyền cho chị H vay nhưng chị H là người đi lấy tiền về trang trải cho gia đình và đứng tên vay nên anh không chịu trách nhiệm về khoản vay trên. Ngân hàng chính sách huyện N xác định hai khoản vay trên là khoản vay chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án buộc mỗi người phải trả một nửa số tiền nợ gốc là 55.000.000 đồng và lãi đến ngày 23/10/2024 là 136.400 đồng (một trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) và yêu cầu trả ngay vì lý do vợ chồng ly hôn, chị H chuyển đi nơi khác sinh sống, khoản tiền vay không còn sử dụng đúng mục đích là nuôi trồng thủy hải sản theo hợp đồng.

Xét việc yêu cầu giải quyết 02 khoản vay với tổng số tiền gốc là 110.000.000 đồng của vợ chồng anh C, chị H tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện N và quan điểm giải quyết của các bên thấy. Mặc dù chị H là người đứng ra thực hiện các giao dịch với Ngân hàng chính sách xã hội huyện N nhưng được anh Chính ủy Q bằng giấy ủy quyền. Mặt khác, khi chị H thực hiện các giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N anh C cũng biết và chị H đã dùng số tiền vay đó vào sinh hoạt và phát triển kinh tế cho gia đình nên đây là khoản vay chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân vì vậy quan điểm của Ngân hàng chính sách xã hội huyện N buộc chị H và anh C mỗi người phải trả số tiền nợ gốc cho Ngân hàng là 55.000.000 đồng và lãi theo mức lãi suất khoản vay tương ứng trước hạn của hợp đồng vì lý do anh chị ly hôn, chị H đã chuyển đi nơi khác sinh sống nên vốn vay tại ngân hàng C không còn sử dụng nữa, phải hoàn trả lại Nhà nước là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự có giá ngạch chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C phải nộp mỗi người là $55.136.400đ \times 5\% = 2.756.800$ đồng (làm tròn).

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 27; 33; 37; 59; 60; 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 357; 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C.

2- Về con chung: Xử giao con chung là cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 25/5/2015 và cháu Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 09/12/2016 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Nguyễn Trọng H3, sinh ngày 15/01/2020 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3- Về công nợ chung: Buộc Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C mỗi người phải trả số tiền nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện N là 55.136.400đồng (năm mươi lăm triệu một trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng). Trong đó gốc là 55.000.000 đồng và lãi là 136.400đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày các đương sự có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

4- Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai số 0001404 ngày 03/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn C mỗi người phải nộp 2.756.800 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H, vắng mặt anh C. Báo cho người có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng

mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án Tỉnh.
- VKS huyện.
- THA huyện.
- UBND xã Nghĩa Hùng.
- Các đương sự.
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Trọng Ích